

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 09 - 2022

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 4, xã Đ, huyện K, tỉnh H; “vắng mặt”.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 7, xã Giao T, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01-8-2022, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị S tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã Phương Điền, huyện Hương Khê, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11-7-2017. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai bên không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2018 thì chị S bỏ về quê xã Giao T, huyện G, tỉnh N; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định

tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị S; vợ chồng chưa có con chung; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 05-8-2022 và đơn đề nghị, bị đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Điền, huyện Hương Khê, tỉnh H. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T có quan hệ với người khác và bỏ chị theo người khác. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 01-10-2021, chị về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy để ở. Anh T có đơn khởi kiện ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì theo đạo công giáo; vợ chồng không có con chung; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại biên bản làm việc ngày 05-8-2022, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xóm 7, xã Giao Tcung cấp: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với anh Nguyễn Quang T vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K tỉnh H. Mâu thuẫn giữa chị S và anh T là do hai bên không hợp nhau. Chị S và anh T không có con chung. Vợ chồng không vướng mắc gì về kinh tế đối với cơ sở xóm đội; nay anh T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Quang T ly hôn chị Nguyễn Thị S. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị S tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Điền, huyện Hương Khê, tỉnh H vào năm 2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị S mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của anh T xin ly hôn chị S là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; anh T, chị S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị S.

2. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Quang T phải nộp 300.000 đồng. Anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000212 ngày 01-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, anh T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hiền

